



ISSN: 1859-3100

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH  
**TẠP CHÍ KHOA HỌC**

KHOA HỌC GIÁO DỤC  
Tập 15, Số 1 (2018): 140-151

HO CHI MINH CITY UNIVERSITY OF EDUCATION  
**JOURNAL OF SCIENCE**

EDUCATION SCIENCE  
Vol. 15, No. 1 (2018): 140-151

Email: [tapchikhoahoc@hcmue.edu.vn](mailto:tapchikhoahoc@hcmue.edu.vn); Website: <http://tckh.hcmue.edu.vn>

## ĐỀ XUẤT CẤU TRÚC NĂNG LỰC TẠO LẬP VĂN BẢN NGHỊ LUẬN TRONG CHƯƠNG TRÌNH NGỮ VĂN THEO MÔ HÌNH NĂNG LỰC

*Nguyễn Thành Ngọc Bảo\**

*Khoa Ngữ văn - Trường Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh*

*Ngày nhận bài: 04-8-2017; ngày nhận bài sửa: 09-10-2017; ngày duyệt đăng: 22-01-2018*

### TÓM TẮT

Để đánh giá năng lực tạo lập văn bản (NLTLVB) nghị luận của học sinh trung học phổ thông (THPT), trước tiên phải xác định được cấu trúc NLTLVB nghị luận. Với quan niệm như vậy, mục tiêu của bài viết là đề xuất cấu trúc NLTLVB nghị luận trong chương trình Ngữ văn theo mô hình năng lực.

**Từ khóa:** năng lực tạo lập văn bản, văn bản nghị luận, Ngữ văn.

### ABSTRACT

*A suggestion on the structure of argumentative text writing competency in a competency-based Language Arts and Literature curriculum*

*In order to assess the argumentative text writing competency of high schools' students, it is necessary to define the structure of argumentative text writing competency first. Therefore, the aim of this paper is to suggest a structure of argumentative text writing competency in the competency-based Language Arts and Literature curriculum.*

**Keywords:** text writing competency, argumentative text, Language Arts and Literature.

### 1. Đặt vấn đề

Kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực (NL) vừa là mục tiêu vừa là yêu cầu của công cuộc đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục Việt Nam từ sau năm 2018. Đối với môn Ngữ văn, để đánh giá được NLTLVB nghị luận thì cần xác định được cấu trúc của NL này. Trong khuôn khổ bài viết, chúng tôi đặt mục tiêu là: *Đề xuất cấu trúc NL TLVB nghị luận trong chương trình (CT) Ngữ văn theo mô hình NL.*

### 2. Cơ sở đề xuất cấu trúc NL TLVB nghị luận trong CT Ngữ văn theo mô hình NL

#### 2.1. NL TLVB nghị luận

##### 2.1.1. Khuynh hướng tiếp cận khái niệm NL TLVB nghị luận

NL TLVB (NL viết) được định nghĩa theo nhiều cách khác nhau tùy theo khuynh hướng tiếp cận của việc dạy viết. Tuy nhiên, có thể phân thành 3 hướng tiếp cận chính là:

- Tiếp cận định hướng vào sản phẩm/VB;
- Tiếp cận định hướng vào quy trình/nhận thức;
- Tiếp cận định hướng vào người đọc/thể loại.

\* Email: [nguyenthanhngocbao13282@gmail.com](mailto:nguyenthanhngocbao13282@gmail.com)

Theo khuynh hướng tiếp cận sản phẩm/định hướng vào VB (product/text-oriented approach), NL viết được xem là **khả năng tạo ra hình thức ngôn ngữ đúng đắn theo ngữ cảnh, tuân thủ các quy định cả ở cấp độ câu và cấp độ diễn ngôn** (Hyland, 2002).

Theo khuynh hướng tiếp cận quy trình/định hướng vào nhận thức (process/cognitive-oriented approach), NL viết được định nghĩa là **khả năng khởi đầu và phát triển các ý tưởng, sau đó sử dụng những kĩ thuật chỉnh sửa và biên tập để phát triển chúng thành bài viết hoàn chỉnh về chất lượng trong một bối cảnh cụ thể** (Yi, Jyi-yeon, 2009).

Theo khuynh hướng tiếp cận người đọc/định hướng thể loại (reader/genre-oriented approach), các yếu tố **người đọc và bối cảnh xã hội** được bổ sung vào việc dạy học viết. Theo khuynh hướng này, người viết nào nhận ra được bối cảnh và người đọc (cộng đồng diễn ngôn) mà sản phẩm viết hướng tới thì có khả năng đánh giá cao tầm quan trọng của kiến thức về tu từ học như định dạng, phong cách và nội dung VB phù hợp với mục đích xã hội và tạo lập một VB thành công. Khuynh hướng này **nhấn mạnh vào những quy định về hình thức và nội dung có liên quan đến khái niệm thể loại** (Tribble, 1996).

Bài viết này dựa trên khuynh hướng tiếp cận người đọc/thể loại để xác định khái niệm NL TLVB nghị luận trong CT Ngữ văn theo mô hình NL vì định hướng CT Ngữ văn theo mô hình NL cũng như CT Ngữ văn hiện hành đều dạy HS viết các kiểu VB theo đặc trưng thể loại (VB tự sự, VB thuyết minh, VB miêu tả...).

### 2.1.2. Quan niệm về NL TLVB nghị luận ở Việt Nam hiện nay

Theo Đỗ Ngọc Thống (2011) môn Ngữ văn cần tập trung hình thành cho HS hai NL chuyên biệt là: NL tiếp nhận VB và NL TLVB (TLVB). Về vấn đề *NL TLVB*, Đỗ Ngọc Thống cho rằng NL này được thể hiện trên hai phương diện sau:

- Biết *suy nghĩ* trước một vấn đề của văn học và cuộc sống;
- Biết *diễn đạt, trình bày* những suy nghĩ, tình cảm cũng như những hiểu biết của mình về văn học và cuộc sống một cách sáng sủa, mạch lạc, có sức thuyết phục theo yêu cầu của một kiểu loại VB nào đó trong nhà trường.

Khác với Đỗ Ngọc Thống, Nguyễn Thị Hạnh (2014) cho rằng môn Ngữ văn không hình thành NL TLVB với tư cách là NL chuyên biệt mà môn Ngữ văn có nhiệm vụ hình thành những NL chuyên biệt như sau:

- *NL làm chủ tiếng Việt*:
  - + Kiến thức tiếng Việt
  - + Kỹ năng đọc và xem
  - + Kỹ năng viết và trình bày
  - + Kỹ năng nghe và kỹ năng nói
  - + Thái độ với tiếng Việt
  - + Vận dụng kiến thức, kỹ năng vào giao tiếp và học tập.

- NL văn học:
  - + Kiến thức về văn học
  - + Kỹ năng đọc hiểu và cảm thụ tác phẩm văn học
  - + Kỹ năng phân tích tác phẩm văn học
  - + Vận dụng kiến thức, kỹ năng vào sáng tạo tác phẩm (bài viết mang tính nghệ thuật).

Như vậy, theo Nguyễn Thị Hạnh, không có khái niệm “*năng lực tạo lập văn bản*” mà chỉ có *kỹ năng viết và trình bày* với tư cách là thành tố của NL làm chủ tiếng Việt và *kỹ năng sáng tạo tác phẩm* (bài viết mang tính nghệ thuật) với tư cách là thành tố của NL văn học.

Dự thảo Đề án đổi mới CT&SGK giáo dục phổ thông sau 2015 (Tài liệu *Dạy học và kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển NL HS môn Ngữ văn cấp THPT*)<sup>1</sup> xác định: *NL TLVB của HS thể hiện ở khả năng vận dụng tổng hợp kiến thức về các kiểu VB, với ý thức và tình yêu tiếng Việt, văn học, văn hóa cùng kỹ năng thực hành TLVB theo các phương thức biểu đạt khác nhau, theo hình thức trình bày miệng hoặc viết.* Như vậy, tài liệu này cho rằng NL TLVB là NL đặc thù của môn Ngữ văn, là sự tổng hòa của 3 yếu tố là kiến thức, kỹ năng và ý thức (thái độ) để tạo ra một VB hoàn chỉnh theo các phương thức biểu đạt khác nhau.

Trong bài viết này, chúng tôi quan niệm *NL TLVB là khả năng tạo ra một VB hoàn chỉnh về nội dung và hình thức, đúng yêu cầu về thể loại, thể hiện cách thức tổ chức VB của người viết.* Vận dụng vào kiểu bài nghị luận, có thể hiểu **NL TLVB nghị luận là khả năng tạo ra một VB nghị luận ở dạng nói hoặc viết, hoàn chỉnh về nội dung và hình thức, thể hiện cách thức tổ chức, xây dựng VB đúng quy cách của VB nghị luận và có ý nghĩa.**

## 2.2. Cấu trúc NL TLVB nghị luận

### 2.2.1. Cách thức tiếp cận cấu trúc của NL

Một trong những tài liệu đầu tiên ở Việt Nam trình bày vấn đề cấu trúc của NL là tài liệu hội thảo “*Xây dựng CT giáo dục phổ thông theo định hướng phát triển NL HS*”<sup>2</sup> (2014). Theo tài liệu này, *về thành phần cấu tạo*, NL được cấu thành bởi các thành tố kiến thức, kỹ năng, thái độ và giá trị, tình cảm và động cơ cá nhân, tư chất... *Về mô hình*, cấu trúc NL có thể được mô tả bằng nhiều mô hình khác nhau. Tài liệu này giới thiệu “*Mô hình tảng băng*” về cấu trúc NL, thể hiện được bản chất của NL, mối liên hệ giữa các yếu tố nằm trong cấu trúc, của yếu tố tự nhiên và xã hội, của yếu tố ẩn tàng và yếu tố có thể quan

<sup>1</sup> <http://thpttranhutrang.hcm.edu.vn/ngu-van/tai-lieu-tap-huan-day-hoc-va-kiem-tra-danh-gia-theo-dinh-huong-phat-trien-nang-c43981-72629.aspx>

<sup>2</sup> Bộ GD&ĐT (2014). *Xây dựng CT giáo dục phổ thông theo định hướng phát triển NL HS*, tr. 41-42.

sát được, của yếu tố tình cảm và ý chí... Cấu trúc NL theo mô hình tăng băng gồm 3 tầng: tầng 1 là “*Làm*”; tầng 2 là “*Suy nghĩ*” và Tầng 3 là tầng “*Mong muốn*”.

Tài liệu này cũng đề xuất cách xây dựng cấu trúc NL theo mô hình các đơn vị của NL (Units of Competency) như sau:

i) *Các hợp phần của NL* (Components of Competency) là các lĩnh vực chuyên môn (domain) thể hiện khả năng tiềm ẩn của con người. Trong đó mỗi hợp phần là mô tả khái quát của một hoặc nhiều hoạt động, điều kiện hoạt động.

(ii) *Các thành tố của NL* (Elements of Competency) là các kỹ năng cơ bản, kết hợp với nhau tạo nên mỗi hợp phần, thường được bắt đầu với động từ mô tả rõ ràng giá trị của hoạt động.

(iii) *Tiêu chí thực hiện* (Performance Criteria) chỉ rõ: yêu cầu cần thực hiện của mỗi thành tố, gọi là các *chỉ số hành vi* (Behavioral Indicator); và mức độ thành thạo ở mỗi yêu cầu đó, gọi là *tiêu chí chất lượng* (Quality Criteria).

Tương đồng với tài liệu trên, Nguyễn Thị Lan Phương (2014) trong bài viết “*Quy trình xây dựng chuẩn đánh giá NL người học theo định hướng phát triển CT giáo dục phổ thông mới*” cho rằng có thể minh họa NL bởi một mô hình được cấu trúc bởi các thành tố: *kiến thức và kỹ năng nhận thức* (tri thức nhân loại người học thu nhận được); *kỹ năng thực hành và kinh nghiệm sống* (người học có được trong trải nghiệm); *thái độ* (hứng thú, tích cực, sẵn sàng, chấp nhận thách thức...); *động cơ học tập; xúc cảm* (yêu thích, hứng thú); *giá trị* (yêu gia đình và bản thân, tự tin, có trách nhiệm...); *đạo đức* (ứng xử trong gia đình và xã hội). Các thành tố này được đặt trong *bối cảnh* (cá nhân, giáo dục, cộng đồng và khoa học) và *tình huống thực tiễn*. Như vậy, tác giả này đã tiếp cận cấu trúc của NL theo hướng xác định các thành tố bộ phận của NL.

Ngoài cách thức tiếp cận cấu trúc của NL theo các thành tố bộ phận, Đặng Thành Hưng (2012) đã đề xuất cách tiếp cận cấu trúc theo các nguồn lực hợp thành. Từ ý kiến của Đặng Thành Hưng, Hoàng Hòa Bình đã chỉ ra *mối quan hệ giữa các nguồn lực hợp thành NL là tri thức, kỹ năng và thái độ với sự thể hiện của chúng trong hoạt động là NL hiểu, NL làm và NL ứng xử. Đó là mối quan hệ giữa nguồn lực (đầu vào) với kết quả (đầu ra), nói cách khác là giữa cấu trúc bề mặt với cấu trúc bề sâu của NL.*

Trong bài viết này chúng tôi lựa chọn tiếp cận cấu trúc của NL TLVB nghị luận theo cách thức xác định các đơn vị hợp thành của NL vì cách này có thể giúp xác định được các chỉ số hành vi cụ thể, bắt đầu bằng các động từ nhận thức có thể đo được bằng các thang đo các mức độ nhận thức của Bloom và thang đo tâm vận của R. H. Dave. Hơn nữa, việc cụ thể hóa NL thành các chỉ số hành vi cụ thể và các mức độ đạt được của các hành vi sẽ giúp cho việc đánh giá NL tường minh và chính xác hơn.

### 2.2.2. Quan niệm về cấu trúc NL TLVB nghị luận ở Việt Nam hiện nay

CT môn Ngữ văn năm 2006 với mục tiêu “*hình thành và phát triển ở HS các NL sử dụng tiếng Việt, tiếp nhận văn học, cảm thụ thẩm mỹ; phương pháp học tập, tư duy, đặc*

biệt là phương pháp tự học; NL ứng dụng những điều đã học vào cuộc sống” [1, tr.5] đã chỉ ra môn Ngữ văn gồm 7 mạch nội dung là kiến thức tiếng Việt, kiến thức làm văn, kiến thức văn học và 4 kỹ năng là đọc, viết, nói, nghe. Trong đó kỹ năng viết bao gồm những kỹ năng bộ phận như: viết chữ, dùng từ, đặt câu, viết đoạn văn và viết VB. Đối với từng cấp lớp thì nội dung dạy viết và yêu cầu về chuẩn kiến thức và kỹ năng viết sẽ khác nhau.

Như vậy, có thể thấy CT môn Ngữ văn năm 2006 là bước chuyển tiếp từ CT dựa trên nội dung sang CT dựa trên NL khi đã bắt đầu đề cập vấn đề “NL sử dụng tiếng Việt, tiếp nhận văn học, cảm thụ thẩm mỹ”, đã chỉ ra yêu cầu cụ thể của 4 kỹ năng thuộc NL giao tiếp là đọc, viết, nói và nghe. Tuy nhiên, cũng như các kỹ năng khác, cấu trúc kỹ năng viết cũng chỉ được mô tả sơ lược thành các kỹ năng bộ phận mà chưa nêu rõ yêu cầu cần đạt đối với từng kỹ năng bộ phận. Vì thế CT môn Ngữ văn mới theo mô hình NL cần xác định cụ thể chuẩn đầu ra môn Ngữ văn. Đây sẽ là căn cứ quan trọng để kiểm tra, đánh giá NL Ngữ văn nói chung và NL TLVB nói riêng.

Bùi Mạnh Hùng (2014) trong bài viết “Phác thảo CT Ngữ văn theo định hướng phát triển NL” cho rằng: “hình thức và nội dung đánh giá kết quả học tập của HS phải tương thích với quan điểm xây dựng CT theo định hướng phát triển NL và dạy học tích hợp, tập trung chủ yếu vào việc đánh giá NL đọc, viết, nói, nghe và NL tư duy của HS, phù hợp với hệ thống chuẩn cần đạt đặt ra trong các bài học ở từng lớp. [...] Muốn vậy, việc xây dựng đáp án cho các câu hỏi đánh giá phải dựa trên các tiêu chí riêng đối với từng kỹ năng (đọc, viết, nói, nghe) và từng kiểu bài, từng kiểu VB” (tr.38). Từ đó, tác giả đề xuất để đánh giá kỹ năng viết cần dựa trên những tiêu chí về nội dung, về hình thức ngôn ngữ, về kết cấu và về khả năng biểu đạt và lập luận. Mỗi tiêu chí có thể được đánh giá trên thang điểm 5, 10 hoặc A,B,C,D,E.

Theo Mai Bích Huyền, Nguyễn Thị Hồng Nam (2014), tiêu chí đánh giá bài luận của HS cần được thiết kế dựa trên mục tiêu đánh giá và đặc trưng của thể loại kiểu bài. Các tác giả nhấn mạnh mục tiêu đánh giá bài luận là để:

- Đánh giá NL nắm vững đặc trưng thể loại
- Đánh giá kỹ năng tổ chức bài viết, kỹ năng lập luận
- Đánh giá NL hiểu yêu cầu của đề bài, chủ đề của bài viết
- Đánh giá sự hiểu biết về vấn đề mà đề bài yêu cầu
- Đánh giá sự hiểu biết về người đọc (độc giả)

Trên cơ sở khảo sát CT môn Tiếng (hoặc môn Ngữ văn) của các nước như Singapore, Úc và New Zealand, Trần Thị Hiền Lương (2015) trong bài viết “Chuẩn đánh giá NL TLVB trong môn Ngữ văn ở trường phổ thông” đã chỉ ra NL TLVB thường bao gồm các thành tố: kiến thức, kỹ năng, thái độ. Ba thành tố trên sẽ được thể hiện trong sự gắn kết chặt chẽ trong VB do HS tạo lập.

CT giáo dục phổ thông tổng thể công bố tháng 7/2017 đã nêu rõ NL giao tiếp thuộc nhóm NL chung của HS THPT. NL giao tiếp được xác định có 5 thành tố, trong đó có

thành tố NL là “*Sử dụng tiếng Việt*”. Thành tố NL “*Sử dụng tiếng Việt*” được cụ thể hóa thành 4 kỹ năng *đọc, viết, nói và nghe*. Trong đó kỹ năng *Viết* bậc THPT được mô tả như sau: *Viết đúng và sáng tạo các dạng VB phức tạp về các chủ đề học tập và đời sống (kết hợp có hiệu quả ngôn ngữ với hình ảnh, đồ thị... minh họa); biết tóm tắt nội dung của những VB phức tạp; trình bày một cách thuyết phục quan điểm của cá nhân, có tính đến quan điểm của người khác...*

Nhìn chung, ở Việt Nam hiện nay, đối với môn Ngữ văn chưa có sự thống nhất trong quan niệm về cấu trúc của NL TLVB nghị luận để làm cơ sở thiết kế chuẩn đánh giá NL TLVB nghị luận và công cụ đánh giá NL TLVB nghị luận. Sau đây chúng tôi xin đề xuất cấu trúc NL TLVB nghị luận trong CT Ngữ văn theo mô hình NL. Cấu trúc đề xuất này đã được lấy ý kiến của các chuyên gia về kiểm tra đánh giá NL môn Ngữ văn và chỉnh sửa theo góp ý trước khi công bố.

### 3. Cấu trúc NL TLVB nghị luận trong CT Ngữ văn THPT theo mô hình NL

#### 3.1. Các thành tố của NL TLVB nghị luận

Như trên đã trình bày, chúng tôi sẽ xác định cấu trúc của NL TLVB nghị luận bao gồm các thành tố đơn vị của NL, mỗi thành tố lại được mô tả cụ thể bằng những chỉ số hành vi làm rõ yêu cầu thực hiện của mỗi thành tố. Trên cơ sở các chỉ số hành vi đã xác định, chúng tôi sẽ xây dựng chỉ số chất lượng cho từng tiêu chí hành vi cụ thể.

Dựa vào cơ sở lí luận đã xác lập ở phần trên, chúng tôi đề xuất cấu trúc NL TLVB nghị luận bao gồm 5 thành tố, được mô tả cụ thể trong Bảng 1 sau đây:

**Bảng 1. Các thành tố của NL TLVB nghị luận**

Thành tố	Mô tả
<b>A. Nhận biết vấn đề nghị luận, tập trung vào mục đích thuyết phục và hiểu rõ đối tượng tiếp nhận</b>	Biết xác định và trình bày quan điểm về vấn đề nghị luận; tập trung vào mục đích thuyết phục; xác định và hiểu rõ đối tượng tiếp nhận
<b>B. Tổ chức bài văn phù hợp với thể loại nghị luận</b>	Biết tổ chức bài văn nghị luận một cách liên kết và mạch lạc; lựa chọn và sử dụng các phương thức biểu đạt phù hợp Biết trình bày luận điểm; sử dụng lí lẽ và các phương pháp lập
<b>C. Lập luận để thuyết phục</b>	luận phù hợp; sử dụng dẫn chứng để hỗ trợ lập luận; có tranh luận với các quan điểm phản bác giả định
<b>D. Diễn đạt để thuyết phục</b>	Tuân thủ các quy định về chính tả; dùng từ, viết câu chính xác và phù hợp để diễn đạt hiệu quả
<b>E. Liên hệ và biểu hiện thái độ, cảm xúc trong quá trình nghị luận</b>	Biết cách liên hệ bản thân với vấn đề nghị luận; biểu hiện thái độ và cảm xúc phù hợp trong quá trình nghị luận

### 3.2. Các chỉ số hành vi của NL TLVB nghị luận

So với những tiêu chí chấm điểm bài văn nghị luận do Bộ GD &ĐT ban hành từ kì thi THPT Quốc gia năm 2015 thì một vài chỉ số hành vi trong mô hình cấu trúc NL TLVB nghị luận do chúng tôi đề xuất có nhiều điểm tương đồng; chẳng hạn: *Nhận biết vấn đề nghị luận; Tổ chức VB phù hợp với thể loại NL; Lập luận để thuyết phục; Diễn đạt để thuyết phục; Liên hệ và biểu hiện thái độ, cảm xúc trong quá trình TLVB.*

Tuy nhiên, điểm khác biệt trong mô hình cấu trúc NL TLVB nghị luận đề xuất là ở chỗ chỉ số hành vi A2 “*Tập trung vào mục đích thuyết phục*” và A3 “*Xác định và hiểu rõ đối tượng tiếp nhận*” của thành tố A. Chỉ số hành vi A2 được đề xuất dựa trên quan điểm của Ngôn ngữ học chức năng hệ thống (Systemic Functional Linguistics, viết tắt là SFL), một nhánh của Ngôn ngữ học chức năng mà thành tựu của nó ngày càng có ảnh hưởng sâu rộng trong lĩnh vực ngôn ngữ học và giáo dục. Trong bài viết “*Ngôn ngữ học chức năng hệ thống: Ứng dụng biên soạn Sách giáo khoa Ngữ văn tại Việt Nam*”, Bùi Mạnh Hùng (2016) cho rằng tuy CT Ngữ văn Việt Nam cũng phân chia VB theo thể loại thể nhưng “*khái niệm thể loại hẹp và tiêu chí phân chia khá mơ hồ*”. Từ đó tác giả gợi ý: “*Cách chia thể loại<sup>3</sup> theo quan điểm của Trường phái Sydney (Sydney School) (Martin & Rose 2005, 2008; Rose & Martin 2012) có thể cung cấp những tiêu chí rõ ràng hơn để nhận diện thể loại VB. Theo đó, thể loại được xác định dựa vào mục đích xã hội (Social Purpose) của VB (chúng tôi nhấn mạnh), tùy thuộc vào mục đích chính của người viết là kể, biểu lộ tình cảm cảm xúc, miêu tả, thuyết phục, hướng dẫn hay giải thích... mà ta có VB thuộc thể loại/kiểu loại tự sự, biểu cảm, miêu tả, nghị luận, hay thuyết minh...*”. Như vậy, theo trường phái này, mục đích xã hội của VB đóng một vai trò quan trọng trong việc TLVB. Theo đó, đối với việc TLVB nghị luận thì mục đích xã hội chính là *thuyết phục*. Vì thế trong suốt quá trình TLVB, người viết cần ý thức và duy trì sự tập trung vào mục đích thuyết phục này để lựa chọn ý tưởng, các phương pháp luận và cách diễn đạt phù hợp. Vì việc xác định mục đích xã hội của VB có tính chất quan trọng nên chúng tôi xác định nó như một chỉ số hành vi của thành tố A.

Chỉ số hành vi A3 (cũng được đề xuất dựa trên cách tiếp cận của Ngôn ngữ học chức năng (Functional Linguistics). Theo Halliday<sup>4</sup>, bất kì một tình huống giao tiếp cụ thể nào cũng bao gồm 3 nhân tố của ngữ cảnh có ảnh hưởng đến việc lựa chọn hệ thống ngôn ngữ là: *trường diễn ngôn* (Field), câu hỏi đặt ra “*Điều gì đang diễn ra?*”; *quan hệ liên nhân* (Tenor), câu hỏi đặt ra “*Những ai có liên quan?*” và *phương thức thể hiện* (Mode), câu hỏi đặt ra “*Cách thức giao tiếp là gì?*”. Bất kì sự kết hợp nào của 3 nhân tố trên cũng tạo ra *ngữ cảnh của tình huống* (context of situation). Vì vậy, bối cảnh và tình huống tạo

<sup>3</sup> Để không làm thay đổi cách hiểu về thể loại phổ biến ở Việt Nam (như truyện, thơ, kí, kịch...), có thể dùng thuật ngữ “*kiểu loại*” với nghĩa rộng hơn theo cách hiểu của Trường phái Sydney.

<sup>4</sup> Derewianka, B., Jones, P. 2012. *Teaching Language in Context*. Oxford: Oxford University Press, tr.6-7.

lập có vai trò chi phối quan trọng đến việc TLVB nói chung và VB nghị luận nói riêng. Vì lẽ đó chúng tôi xác định hành vi A3 “*Xác định và hiểu rõ về đối tượng tiếp nhận*” (có tính đến bối cảnh và tình huống tạo lập) như là một biểu hiện của NL TLVB nghị luận.

Sau đây là bảng minh họa các chỉ số hành vi của 5 thành tố cấu trúc nên NL TLVB nghị luận (xem Bảng 2):

**Bảng 2.** Các chỉ số hành vi của NL TLVB nghị luận

Thành tố	Chỉ số hành vi
<b>A. Nhận biết vấn đề nghị luận, tập trung vào mục đích thuyết phục và hiểu rõ đối tượng tiếp nhận</b>	A.1. <i>Xác định</i> và trình bày quan điểm về vấn đề nghị luận
	A2. <i>Tập trung</i> vào mục đích thuyết phục trong suốt quá trình nghị luận
	A3. <i>Xác định và hiểu rõ</i> đối tượng tiếp nhận trên các phương diện kiến thức, động cơ, hứng thú (thể hiện qua quá trình lập luận)
<b>B. Tổ chức bài văn phù hợp với thể loại nghị luận</b>	B.1. <i>Đảm bảo</i> cấu trúc của bài văn nghị luận (mở bài, thân bài và kết bài)
	B.2. <i>Tổ chức</i> bài văn một cách liên kết và mạch lạc trong phạm vi một đoạn văn và giữa các đoạn văn
	B.3. <i>Lựa chọn</i> và <i>sử dụng</i> các phương thức biểu đạt phù hợp với từng kiểu bài nghị luận (nghị luận văn học và nghị luận xã hội)
<b>C. Lập luận để thuyết phục</b>	C.1. <i>Trình bày</i> các luận điểm phù hợp với vấn đề nghị luận
	C.2. <i>Sử dụng</i> lí lẽ để hỗ trợ quá trình lập luận; hệ thống lí lẽ được triển khai bằng các phương pháp lập luận và có tính đến các quan điểm phản bác (giả định)
	C.3. <i>Sử dụng</i> các dẫn chứng để hỗ trợ quá trình lập luận
<b>D. Diễn đạt để thuyết phục</b>	D.1. <i>Tuân thủ</i> các quy định về chính tả
	D.2. <i>Dùng từ</i> chính xác, hiệu quả và phù hợp với ngữ cảnh
	D.3. <i>Viết câu</i> đúng ngữ pháp; cấu trúc chặt chẽ và đa dạng
<b>E. Liên hệ và biểu hiện thái độ, cảm xúc trong quá trình nghị luận</b>	E.1. <i>Liên hệ</i> vấn đề nghị luận với kiến thức nền và kinh nghiệm bản thân
	E.2. <i>Biểu hiện</i> thái độ và cảm xúc phù hợp trong quá trình nghị luận



### 3.3. Tiêu chí chất lượng của các chỉ số hành vi của NL TLVB nghị luận

Tiêu chí chất lượng chỉ rõ mức độ thành thạo của HS trong từng hành vi TLVB nghị luận. Sau đây chúng tôi xin trình bày tiêu chí chất lượng của mỗi chỉ số hành vi của NL TLVB nghị luận.

**Bảng 3. Tiêu chí chất lượng của các chỉ số hành vi của NL TLVB nghị luận**

Thành tố	Chỉ số hành vi	Tiêu chí chất lượng
<b>A. Nhận biết vấn đề nghị luận, tập trung vào mục đích thuyết phục và hiểu rõ đối tượng tiếp nhận</b>	A.1. Xác định và trình bày quan điểm về vấn đề nghị luận	A.1.1. Chưa xác định được vấn đề nghị luận; chỉ diễn đạt đề bài theo một cách khác A.1.2. Xác định được vấn đề nghị luận nhưng trình bày quan điểm chưa toàn diện và sâu sắc A.1.3. Xác định và trình bày quan điểm một cách toàn diện và sâu sắc
	A.2. Tập trung vào mục đích thuyết phục trong suốt quá trình nghị luận	A.2.1. Chưa tập trung vào mục đích thuyết phục trong quá trình nghị luận A.2.2. Xác định được mục đích thuyết phục nhưng không giữ được sự tập trung trong quá trình nghị luận A.2.3. Duy trì sự tập trung vào mục đích thuyết phục trong quá trình nghị luận
	A.3. Xác định và hiểu rõ đối tượng tiếp nhận trên các phương diện kiến thức, động cơ, hứng thú (thể hiện qua quá trình lập luận)	A.3.1. Chưa xác định được đối tượng tiếp nhận (thể hiện qua cách xưng hô và cách diễn đạt không phù hợp; không quan tâm đến nhu cầu kiến thức, động cơ; không khơi gợi được hứng thú cho người đọc...) A.3.2. Xác định được đối tượng tiếp nhận nhưng chưa thể hiện được sự quan tâm, đáp ứng nhu cầu về kiến thức, động cơ và chưa tạo được hứng thú cho người đọc A.3.3. Hiểu rõ đối tượng tiếp nhận, luôn cho thấy sự quan tâm và đáp ứng các nhu cầu về kiến thức, động cơ và tạo được hứng thú cho người đọc
<b>B. Tổ chức bài văn phù hợp với đặc trưng thể loại nghị luận</b>	B.1. Đảm bảo cấu trúc 3 phần của bài văn nghị luận (mở bài, thân bài và kết bài)	B.1.1. Chưa tổ chức bài văn thành 3 phần: mở bài, thân bài, kết bài B.1.2. Tổ chức bài văn không đầy đủ 3 phần, có thể thiếu mở bài hoặc kết bài B.1.3. Tổ chức bài văn đầy đủ 3 phần
	B.2. Tổ chức bài văn một cách liên kết và mạch lạc trong phạm vi một đoạn văn và giữa các đoạn văn	B.2.1. Không chia đoạn bài văn hoặc có chia đoạn nhưng giữa các đoạn không có sự liên kết về nội dung và hình thức; tổ chức các ý trong đoạn còn rời rạc và lủng củng

	<p>B.2.2. Tổ chức bài văn thành các đoạn hợp lí nhưng các đoạn chưa được liên kết mạch lạc về nội dung, sử dụng các phương tiện liên kết chưa hiệu quả; tổ chức các ý trong đoạn tương đối mạch lạc</p> <p>B.2.3. Tổ chức bài văn thành các đoạn liên kết một cách mạch lạc về nội dung và hình thức; trong từng đoạn văn các ý cũng được liên kết mạch lạc</p>
<p>B.3. Lựa chọn và sử dụng các phương thức biểu đạt phù hợp với từng kiểu bài nghị luận (NLVH và NLXH)</p>	<p>B.3.1. Chưa lựa chọn được phương thức biểu đạt phù hợp</p> <p>B.3.2. Lựa chọn các phương thức biểu đạt phù hợp nhưng sử dụng phương thức nghị luận chưa hiệu quả</p> <p>B.3.3. Sử dụng hiệu quả phương thức nghị luận và các phương thức biểu đạt hỗ trợ khác</p>
<p>C.1. Trình bày các luận điểm phù hợp với vấn đề nghị luận</p>	<p>C.1.1. Chưa nêu được luận điểm về vấn đề nghị luận hoặc diễn giải đề bài theo một cách khác</p> <p>C.1.2. Nêu được một số luận điểm đúng đắn, phù hợp về vấn đề nghị luận nhưng chưa được chứng minh thuyết phục bằng lí lẽ và dẫn chứng</p> <p>C.1.3. Nêu được các luận điểm đúng đắn, phù hợp và sâu sắc về vấn đề nghị luận; tất cả luận điểm được chứng minh thuyết phục bằng lí lẽ và dẫn chứng</p>
<p><b>C. Lập luận để thuyết phục</b></p> <p>D.2. Sử dụng lí lẽ để hỗ trợ quá trình lập luận; hệ thống lí lẽ được triển khai bằng các phương pháp lập luận và có tính đến các quan điểm phản bác (giả định)</p>	<p>C.2.1. Chưa sử dụng lí lẽ để hỗ trợ quá trình lập luận, chỉ đưa ra luận điểm về vấn đề nghị luận; hoặc có nêu lí lẽ nhưng không thực sự có liên quan với vấn đề nghị luận</p> <p>C.2.2. Hệ thống lí lẽ được triển khai bằng các phương pháp lập luận nhưng chưa mang tính thuyết phục cao; không nêu ra và tranh luận các quan điểm phản bác (giả định)</p> <p>C.2.3. Hệ thống lí lẽ được triển khai bằng các phương pháp lập luận hiệu quả và tranh luận với các quan điểm phản bác (giả định) một cách thuyết phục</p>
<p>C.3. Sử dụng các dẫn chứng để hỗ trợ quá trình lập luận</p>	<p>C.3.1. Chưa đưa ra được các dẫn chứng để củng cố cho lí lẽ và luận điểm</p> <p>C.3.2. Sử dụng dẫn chứng khá đa dạng và phù hợp với luận điểm nhưng chưa phân tích các dẫn chứng để tăng tính thuyết phục cho lí lẽ mà nó cần làm sáng tỏ</p> <p>C.3.3. Sử dụng dẫn chứng đa dạng, phù hợp với</p>

		luận điểm; phân tích dẫn chứng thấu đáo, gắn với lí lẽ mà nó cần làm sáng tỏ
<b>D. Diễn đạt để thuyết phục</b>	D.1. Tuân thủ các quy định về chính tả	D.1.1. Chưa tuân thủ các quy định về chính tả nên bài văn mắc nhiều lỗi chính tả D.1.2. Tuân thủ các quy định về chính tả nhưng chưa nghiêm ngặt nên bài văn còn mắc khá nhiều lỗi chính tả D.1.3. Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về chính tả nên bài văn không mắc lỗi chính tả hoặc chỉ mắc vài lỗi không đáng kể
	D.2. Dùng từ chính xác, hiệu quả và phù hợp với ngữ cảnh	D.2.1. Chưa biết cách dùng từ hiệu quả nên bài văn còn mắc nhiều lỗi dùng từ không chính xác và không thích hợp với ngữ cảnh D.2.2. Biết cách dùng từ chính xác và phù hợp với ngữ cảnh nhưng hiệu quả thuyết phục chưa cao D.2.3. Biết cách dùng từ chính xác, hiệu quả, sáng tạo và phù hợp với ngữ cảnh nên hiệu quả diễn đạt cao
	D.3. Viết câu đúng ngữ pháp; cấu trúc chặt chẽ và đa dạng	D.3.1. Chưa biết viết câu đúng ngữ pháp nên bài văn mắc nhiều lỗi viết câu D.3.2. Viết câu đúng ngữ pháp nhưng sử dụng chưa đa dạng các kiểu câu nên các câu trong bài văn còn đơn điệu, hiệu quả diễn đạt chưa cao D.3.3. Viết câu đúng ngữ pháp, có cấu trúc chặt chẽ; sử dụng đa dạng các kiểu câu nên hiệu quả diễn đạt cao
<b>E. Liên hệ và biểu hiện thái độ, cảm xúc trong quá trình nghị luận</b>	E.1. Liên hệ vấn đề nghị luận với kiến thức nền và kinh nghiệm bản thân	E.1.1. Chưa liên hệ hoặc chưa biết cách liên hệ vấn đề nghị luận với kiến thức nền và kinh nghiệm của bản thân E.1.2. Đề cập đến kiến thức nền và kinh nghiệm bản thân trong quá trình nghị luận nhưng chưa làm rõ mối liên hệ của chúng với vấn đề nghị luận E.1.3. Liên hệ vấn đề nghị luận với kiến thức nền và kinh nghiệm bản thân một cách chặt chẽ để rút ra bài học hoặc các chiêm nghiệm bổ ích
	E.2. Biểu hiện thái độ và cảm xúc phù hợp trong quá trình nghị luận	E.2.1. Chưa biểu hiện rõ thái độ và cảm xúc trong quá trình nghị luận E.2.2. Biểu hiện thái độ và cảm xúc trong quá trình nghị luận nhưng vài chỗ chưa phù hợp E.2.3. Biểu hiện thái độ và cảm xúc phù hợp trong suốt quá trình nghị luận

#### 4. Kết luận

Trên đây chúng tôi đã trình bày khái niệm NL TLVB nghị luận và cấu trúc NL TLVB nghị luận trong CT Ngữ văn THPT theo mô hình NL. Việc xác định cấu trúc NL TLVB nghị luận này là một bước quan trọng trong quy trình đánh giá NL TLVB nghị luận. Việc đề xuất cấu trúc NL này cũng rất có ý nghĩa đối với việc đổi mới kiểm tra đánh giá theo hướng hình thành và phát triển NL từ sau năm 2018 bởi nếu không xác định được cấu trúc của NL TLVB nghị luận thì không thể xây dựng được chuẩn đánh giá NL TLVB nghị luận cũng như thiết kế được bộ công cụ đánh giá NL TLVB nghị luận của HS THPT trong CT Ngữ văn theo mô hình NL.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ GD&ĐT. (2006). *Chương trình giáo dục phổ thông Ngữ văn*. Hà Nội: NXB Giáo dục.
- Bộ GD&ĐT. (2017). *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể*. Hà Nội: NXB Giáo dục.
- Bùi Mạnh Hùng. (2014). Phác thảo chương trình Ngữ văn theo định hướng phát triển năng lực. *Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm TPHCM*, số 56 (3/2014).
- Derewianka, B., Jones, P. (2012). *Teaching Language in Context*. Oxford: Oxford University Press.
- Mai Bích Huyền, Nguyễn Thị Hồng Nam. (2014). Tiêu chí đánh giá bài luận – một trong những công cụ phát triển năng lực tạo lập văn bản cho học sinh. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm TPHCM*, số 62/2014.
- Nguyễn Thị Hạnh (2014). Xây dựng chuẩn năng lực đọc hiểu cho môn Ngữ văn của chương trình giáo dục phổ thông sau 2015 ở Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm TPHCM*, số 56 (3/2014).
- Nguyễn Thị Lan Phương. (2014). Quy trình xây dựng chuẩn đánh giá năng lực người học theo định hướng phát triển chương trình giáo dục phổ thông mới. *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, số 101 (2/2014).
- Trần Thị Hiền Lương. (2015). Chuẩn đánh giá năng lực tạo lập văn bản trong môn Ngữ văn ở trường phổ thông. *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, số 116 (5/2015).